

Bản án số: 107/2020/DS-ST

Ngày: 07-7-2020

“V/v hợp đồng dịch vụ tưới

tiêu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương
- ***Hội thẩm nhân dân:*** Ông Nguyễn Hoàng Tuấn
Ông Nguyễn Ngọc Bờ

- ***Thư ký phiên tòa :*** Ông Nguyễn Quốc Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú:*** Ông Nguyễn Văn Thành – Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 221/2019/TLST-DS, ngày 17 tháng 12 năm 2019 về việc Tranh chấp hợp đồng dịch vụ tưới tiêu.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2020/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QDDST-DS ngày 25/6/2020 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:***

1. Ông Bùi Hải L, sinh năm 1977; vắng mặt
2. Ông Trịnh Minh H, sinh năm 1977; vắng mặt
3. Ông Bùi Hải L1, sinh năm 1983; có mặt
4. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1980; vắng mặt

Cùng nơi cư trú: ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Hải L1 theo hợp đồng ủy quyền ngày 05/11/2019 chứng thực tại UBND xã Mỹ Đức. SĐT: 0964.646.544. có mặt

- ***Bị đơn:***

Ông La Ngọc K, sinh năm 1975; có mặt

Bà La Thị L, sinh năm 1971; vắng mặt

Cùng nơi cư trú: ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 11 năm 2019 và lời khai của đại diện nguyên đơn ông Bùi Hải L1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Tổ hợp tác TT phụ trách phục vụ tưới tiêu có những hộ dân có đất nông nghiệp trên địa bàn ấp MT và ấp MT1, xã MĐ. Theo kết quả hiệp thương thống nhất thì giá dịch vụ tưới tiêu cấp 2 như sau: vụ hè thu 15kg lúa/1000m²/vụ; vụ thu đông 30kg lúa /1000m²/vụ; vụ đông xuân 15kg lúa/1000m²/vụ. Tuy nhiên trong quá trình phục vụ tưới tiêu, ông La Ngọc K và bà La Thị L canh tác 19.000m² đất trồng lúa trên địa bàn tổ hợp tác phục vụ tưới tiêu lại không trả phí dịch vụ cho tổ hợp tác, tính đến vụ hè thu năm 2019 là ông K, bà L đã 31 vụ không đóng phí, tổng số tiền là 57.199.500đ (Năm mươi bảy triệu, một trăm chín mươi chín ngàn, năm trăm đồng)

Nay tổ hợp tác TT khởi kiện buộc ông K, bà L trả số tiền 57.199.500đ (Năm mươi bảy triệu, một trăm chín mươi chín ngàn, năm trăm đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Theo biên bản lấy lời khai ngày 25 tháng 02 năm 2020 và lời khai của bị đơn ông La Ngọc K trình bày trong quá trình giải quyết vụ án:

Ông xác định ông có diện tích đất canh tác trong khu vực do tổ hợp tác TT phụ trách tưới tiêu. Trong thời gian qua, từ khi tổ hợp tác thành lập cho đến nay, ông chỉ đồng ý đóng tiền phí vụ 3 là 1.000.000đ/vụ và ông có đóng phí một thời gian, cho đến khoảng cách đây 03 - 04 năm thì phía tổ hợp tác đòi thu 1.200.000đ, ông thì chỉ đồng ý mức 1.000.000đ do không thương lượng được và phía tổ hợp tác không đến thu nữa nên ông không còn đóng phí cho tổ hợp tác từ 03 – 04 năm nay.

Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý trả cho tổ hợp tác số tiền 57.199.500đ (Năm mươi bảy triệu, một trăm chín mươi chín ngàn, năm trăm đồng). Ông chỉ đồng ý đóng tiền vụ 3, là 1.000.000đ/vụ/năm và ông đồng ý đóng từ năm 2015 cho đến từ nay, ra số tiền cụ thể: 5.000.000đ, ông không có khả năng trả 01 lần mà sẽ trả dần hàng năm.

- Bị đơn bà La Thị L không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng không tham gia phiên họp, phiên hòa giải do đó không ghi nhận được ý kiến của bà.

- Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 20/3/2020 thể hiện: Qua thẩm định cho thấy, tổ hợp tác có lắp đặt 01 máy bơm nước loại lớn tại Kênh 1 đầu Bắc Cần Thảo (cách cầu kênh 1 giữa Mỹ Đức và Mỹ Phú khoản 200m) để bơm nước từ kênh Cần Thảo vào kênh 1, nước từ kênh 1 chảy vào kênh 2 phục vụ tưới tiêu cho nông dân ấp Mỹ Thành và Mỹ Thiện. Ông K có lắp đặt 01 máy bơm nước để bơm nước từ kênh số 2 vào diện tích đất để canh tác.

- Theo công văn số 136/UBND ngày 07/7/2020 của UBND xã Mỹ Đức trả lời: Năm 2006, thực hiện chủ trương theo đó tổ hợp tác TT được thành lập và giao phục vụ tưới tiêu chung cho cả tiểu vùng I sản xuất 3 vụ; Diện tích đất ông Kẽm, bà L canh tác thuộc diện tưới tiêu cấp 2, phải nộp phí dịch vụ tưới tiêu 03 vụ/năm; Mức phí thu là vụ đông xuân 15kg lúa/1000m²/vụ, vụ hè thu 15 kg lúa/1000m²/vụ, vụ thu đông 30 kg lúa/1000m²/vụ.

- Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Lân trình bày: thống nhất diện tích đất ông K, bà L canh tác là 11.000m². Việc tổ hợp tác thành lập và ra mức giá thu phí tưới tiêu đều có thông báo và tổ chức họp dân, giá thu là kết quả hiệp thương, giá lúa thì tùy theo giá thực tế hàng năm mà tính trung bình. Nay nguyên đơn thay đổi số tiền yêu cầu ông K, bà L trả còn 30.000.000đ và đồng ý khấu trừ số tiền 3.200.000đ theo 02 phiếu thu do ông K cung cấp. Nay xác định yêu cầu ông K, bà L trả số tiền 26.800.000đ. Về chi phí thẩm định tại chỗ: tổ hợp tác tự nguyện chịu.

Bị đơn ông K trình bày: khi được thông báo việc Tổ hợp tác thành lập là ông không đồng ý nhưng ông vẫn có đóng tiền cho tổ hợp tác vài lần, theo đó ông chỉ đóng 1.000.000đ cho vụ 3, tuy nhiên ông không nhớ là ông đóng từ thời gian nào và đã đóng được số tiền bao nhiêu. Về giá thu tưới tiêu và giá lúa mỗi năm thì ông không có ý kiến. Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý, ông chỉ đồng ý đóng 1.000.000đ cho vụ 3 và đóng từ năm 2015 cho đến nay là số tiền 5.000.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L và ông K có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 26.800.000đ cho nguyên đơn. Ghi nhận nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí thẩm định tại chỗ, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

[1.2] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và pháp luật áp dụng giải quyết vụ án: Nguyên đơn là tổ hợp tác TT khởi kiện yêu cầu ông La Văn Kẽm, bà La Thị L trả số tiền còn nợ đối với hợp đồng dịch vụ tưới tiêu. Căn cứ Điều 513 của Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “Hợp đồng dịch vụ

tưới tiêu” và do hợp đồng dịch vụ tưới tiêu cho đến nay vẫn đang còn thực hiện, chưa hoàn thành do đó căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 giải quyết vụ án.

[1.3] Về người tham gia tố tụng: Tổ hợp tác TT khởi kiện đối với ông K, bà L về hợp đồng tưới tiêu, căn cứ vào quy định tại Điều 101 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đồng thời tất cả thành viên tổ hợp tác đều đồng ý khởi kiện vụ án và thống nhất ủy quyền bằng văn bản (hợp đồng ủy quyền ngày 05/11/2019 tại UBND xã Mỹ Đức) cho ông Bùi Hải L1 làm người đại diện, do đó xác định các thành viên trong tổ hợp tác là đồng nguyên đơn trong vụ án và xác định người đại diện hợp pháp của các đồng nguyên đơn là ông Bùi Hải L1.

[1.4] Về tố tụng: Đối với văn bản ủy quyền ngày 27/02/2020 tại UBND xã Mỹ Đức của bà L ủy quyền cho ông K về nội dung thì bà L ủy quyền cho ông K theo thông báo số 05/TB-TA ngày 03/01/2020, đây là thông báo về phiên họp, phiên hòa giải và thời gian phiên họp, phiên hòa giải là vào ngày 06/02/2020. Đồng thời trong phạm vi ủy quyền ghi là “ông La Văn Vô”, thời gian ủy quyền từ ngày 19/02/2020 trước ngày làm thủ tục ủy quyền. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận việc ủy quyền của bà L cho ông K tại phiên tòa. Bà L đã được triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bà L.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Ông K và bà L có canh tác diện tích 11.000m² tọa lạc tại ấp MT, xã MĐ, huyện CP, tỉnh An Giang nằm trong khu vực đê bao khép kín trồng lúa ba vụ thuộc khu vực Tổ hợp tác TT phục vụ tưới tiêu từ năm 2006 đến nay. Tuy nhiên từ năm 2009, ông K và bà L không đóng đầy đủ phí dịch vụ cho tổ hợp tác nên tổ hợp tác khởi kiện. Ông K cho rằng việc thành lập tổ hợp tác là ông không đồng ý nên ông chỉ đóng 1.000.000đ cho vụ 3 của mỗi năm, tuy nhiên ông không nhớ rõ đóng từ thời gian nào và đã đóng được bao nhiêu.

[2.2] Đất ông K, bà L canh tác thuộc khu vực mà theo chủ trương sẽ do tổ hợp tác thực hiện phục vụ tưới tiêu chung, không hộ nào được thực hiện tưới tiêu riêng lẻ. Tuy ông K không đồng ý nhưng đây là chủ trương chung và vì lợi ích chung của tất cả hộ dân có đất canh tác trong khu vực do đó bản thân ông K cũng phải thực hiện chủ trương như các hộ dân khác trong khu vực.

[2.3] Về việc ông cho rằng ông không tham gia hợp dân, không ký kết hợp đồng với tổ hợp tác tuy nhiên theo quy định thì Tổ hợp tác phục vụ tưới tiêu cho ông K, bà L cũng như các hộ dân khác đều không có hợp đồng riêng đối với từng hộ dân mà trên cơ sở hiệp thương giữa Tổ hợp tác với các hộ dân có đất trong khu vực đê bao, điều này được thể hiện qua biên bản họp dân ngày 02/11/2006 có sự tham gia của chính quyền địa phương và các hộ dân.

[2.4] Ngoài ra, bản thân ông cũng đã có đóng phí tưới tiêu cho tổ hợp tác theo biên lai thu số 10 quyển số 01 ngày 05/4/2010; số 15 quyển số 02 ngày 03/12/2012 và ông có lắp đặt máy bơm nước từ kênh số 02 vào đất canh tác, như vậy là ông và bà L có sử dụng nguồn nước do Tổ hợp tác bơm vào từ kênh Cần

Thảo vào kênh số 01 và chảy qua kênh số 02. Như vậy đã thể hiện là ông bà đã đồng ý và mặc nhiên tham gia vào hợp đồng dịch vụ tưới tiêu với tổ hợp tác, theo đó ông bà là thuộc diện sử dụng tưới tiêu cấp 2. Nay nếu ông không đồng ý với giá phí tưới tiêu thì cần nêu ý kiến lên tổ hợp tác và ủy ban nhân dân xã để được giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

[2.5] Tổ hợp tác thực hiện tưới tiêu nước nhằm phục vụ cho sản xuất lúa ba vụ là chủ trương chung của địa phương nhằm tăng sản lượng và tăng thu nhập cho người dân. Tổ hợp tác thực hiện đúng chủ trương và phục vụ đúng nghĩa vụ việc tưới tiêu nước cho người dân có đất trong khu vực mình phục vụ, trong đó có đất của ông K và bà L canh tác nhưng ông bà không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả phí dịch vụ nên Tổ hợp tác khởi kiện là có căn cứ đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 515, Điều 519 Bộ luật dân sự.

[2.6] Về giá phí dịch vụ tưới tiêu thì căn cứ vào biên bản họp dân ngày 02/11/2006 và theo công văn số 136/UBND ngày 07/7/2020 của UBND xã Mỹ Đức kết quả hiệp thương mức thu phí đối với tưới tiêu cấp 2 như sau: vụ đông xuân 15 kg lúa/1.000m²/vụ, vụ hè thu 15 kg lúa/1.000m²/vụ, vụ thu đông 30kg lúa/1.000m²/vụ đối chiếu với mức giá phí dịch vụ nguyên đơn nêu ra là phù hợp.

[2.7] Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi, xác định chỉ yêu cầu số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và đồng ý khấu trừ số tiền 3.200.000đ (ba triệu hai trăm ngàn đồng) mà ông K, bà L đã đóng theo 02 phiếu thu, nay nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu số tiền 26.800.000 đồng (hai mươi sáu triệu, tám trăm ngàn đồng). Sự thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và là có lợi cho bị đơn, phù hợp với quy định pháp luật do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông K và bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bùi Hải L, ông Trịnh Minh H, ông Bùi Hải L1, ông Phạm Văn T số tiền còn nợ 26.800.000 đồng (hai mươi sáu triệu, tám trăm ngàn đồng).

[2.8] Về chi phí thẩm định tại chỗ: Tổ hợp tác TT tự nguyện chịu 500.000 đồng (năm trăm ngàn đồng) chi phí thẩm định tại chỗ, tổ hợp tác đã nộp đủ.

[2.9] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận do đó nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn tạm ứng án phí đã nộp. Ông K và bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 101, Điều 513, Điều 515, Điều 519, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hải L, ông Trịnh Minh H, ông Bùi Hải L1, ông Phạm Văn T.

Buộc ông La Ngọc K và bà La Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bùi Hải L, ông Trịnh Minh H, ông Bùi Hải L1, ông Phạm Văn T số tiền 26.800.000đ (hai mươi sáu triệu, tám trăm ngàn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ông Bùi Hải L, ông Trịnh Minh H, ông Bùi Hải L1, ông Phạm Văn T tự nguyện chịu số tiền 500.000đ (năm trăm ngàn đồng) chi phí thẩm định tại chỗ. Các ông đã nộp đủ chi phí thẩm định tại chỗ.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông La Ngọc K, bà La Thị L phải chịu 1.340.000 đồng (một triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho ông Bùi Hải L, ông Trịnh Minh H, ông Bùi Hải L1, ông Phạm Văn T số tiền 1.430.000đồng (đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006034 ngày 17/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Ông Bùi Hải L, ông Trịnh Minh H, ông Bùi Hải L1, ông Phạm Văn T, ông La Ngọc K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà La Thị L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú;
- Lưu; hồ sơ vụ án, văn phòng. **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Cẩm Hương